

Số: **109/2020/QĐST-HNGĐ**

*N, ngày 13 tháng 7 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 58/2020/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn M, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đàm Tiến N1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn M, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Tiến N1.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Tiến N1.

2.2. Về con: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Tiến N1 có 02 con chung là Đàm Tiến C, sinh ngày 10/6/1997; Đàm Tiến Thái S, sinh ngày 08/6/2014. Cháu Đàm Tiến C đã thành niên. Chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Đàm Tiến Thái S. Anh Đàm Tiến N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đàm Tiến N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Tiến N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0002178 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 150.000<sup>d</sup> tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T1, h. N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tình**